

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57 /2018/DS-ST

Ngày: 21- 9 - 2018

V/v: "*Tranh chấp*

*Hợp đồng mua bán*"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thúy Kiên**

2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Võ Long Hải** - Kiểm sát viên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TLST- DS, ngày 27 tháng 6 năm 2018, về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 537/2018/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Nhựt T** - sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Khu vực L2, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư **Lưu N T** – Văn phòng Luật sư Lưu N T – thuộc Đoàn Luật sư thành phố C.

2. Bị đơn:

Ông **Lê Hồng L** - sinh năm 1975.

Bà **Phạm Thị Kim D** - sinh năm 1975.

Tên gọi khác: **Phạm Thị M**

Cùng cư trú: Khu vực T2, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Đều có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 05/02/2015, ông Lê Hồng L cùng vợ là bà Phạm Thị Kim D (tên thường gọi là Phạm Thị M) có hợp đồng mua bán mận lá với ông Nguyễn Nhựt T (khai thác hoa lợi từ cây mận) trên diện tích khoảng 7,5 công đất vườn.

Vợ chồng ông L là bên mua, ông T là bên bán. Theo thỏa thuận, thời hạn hợp đồng là 01 năm tính từ ngày 05/02/2015 đến 05/02/2016; giá mua bán là 340.000.000 đồng và sẽ thanh toán làm 03 lần: Lần 1 thanh toán 140.000.000đ vào ngày 30/3/2015, lần 2 thanh toán 100.000.000đ vào ngày 05/9/2015 và lần 3 thanh toán 100.000.000đ vào ngày 05/02/2016. Việc thỏa thuận này được lập thành văn bản “Biên nhận mua mặn lá” vào ngày 05/02/2015, ông T và ông L cùng ký tên xác nhận. Tuy nhiên, sau đó ông L không thực hiện đúng như thỏa thuận, đến nay vợ chồng ông L chỉ mới thanh toán được 240.000.000đ, còn nợ lại 100.000.000đ chưa trả.

Ngoài ra, trong tháng 02/2017, vợ chồng ông L còn mua mặn trái và nợ ông T số tiền 55.840.000đ. Lần này, cũng hứa thanh toán sau vài ngày nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Như vậy, tổng cộng vợ chồng ông L còn nợ ông T số tiền 155.840.000đ, số nợ này được bà Phạm Thị M viết giấy nhận nợ ngày 07/11/2017.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông L và bà D trả số nợ chưa thanh toán từ hai hợp đồng mua bán nói trên là 155.840.000đ. Đồng thời yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10% / năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng lần thứ nhất là ngày 05/02/2016, cụ thể:

Từ 05/02/2016 đến 05/02/2017 là:  $100.000.000đ \times 10\% = 10.000.000đ$ ;

Từ 05/02/2017 đến 09/5/2018 là:  $155.840.000đ \times 10\% \times 15/12 = 19.480.000đ$ ;

Từ 09/5/2018 đến ngày xét xử 21/9/2018, làm tròn 04 tháng là:  $155.840.000đ \times 10\% \times 04/12 = 5.194.000đ$ ;

Tổng cộng lãi là: 34.674.000đ.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn trình bày:*

Ông Lê Hồng L và bà Phạm Thị Kim D thống nhất như trình bày của phía nguyên đơn về quan hệ hợp đồng mua bán như trên, và thừa nhận còn nợ ông T số tiền từ hai hợp đồng mua bán là 155.840.000đ đến nay chưa trả.

Nay ông Lê Hồng L và bà Phạm Thị Kim D đồng ý trả số nợ nói trên theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng xin được trả dần mỗi năm 20.000.000đ và xin miễn lãi do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Số nợ gốc 155.840.000đ bị đơn đã thừa nhận, nên nguyên đơn không cần phải chứng minh gì thêm. Về phần lãi, do phía bị đơn vi phạm thời gian thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/ năm là phù hợp pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do có cơ sở.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn, theo đó bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng là 155.840.000 đồng. Sau nhiều lần nguyên đơn thông báo đòi nợ nhưng bị đơn vẫn chưa trả, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ này. Đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Các đương sự không thương lượng được và đề nghị miễn thủ tục hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án được ra ra xét xử theo trình tự, thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Vào ngày 05/02/2015, ông Lê Hồng L cùng vợ là bà Phạm Thị Kim D có hợp đồng mua bán mận lá với ông Nguyễn Nhựt T. Sau đó, vào tháng 02/2017, hai bên tiếp tục giao kết hợp đồng mua bán mận trái. Các giao dịch này được các bên thừa nhận, có hiệu lực ràng buộc trách nhiệm các bên theo thỏa thuận hợp đồng và quy định của pháp luật dân sự.

Về khoản tiền gốc:

Theo hợp đồng mua bán mận lá, bên mua là ông Lê Hồng L cùng vợ là bà Phạm Thị Kim D có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Nhựt T số tiền tổng cộng là 340.000.000đ. Tuy nhiên, ông L và bà D chỉ có trả được cho ông T số tiền 240.000.000đ, còn nợ lại tiền mua mận lá là 100.000.000đ. Ngoài ra, ông L còn nợ tiền mua mận trái là 55.840.000đ. Như vậy, tổng cộng ông L và bà D còn nợ ông T 155.840.000đ. Điều này được ông L và bà D thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và họ đồng ý trả số nợ này cho nguyên đơn, vậy nên chấp nhận.

Về khoản tiền lãi:

Ông L và bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn đã thỏa thuận, cụ thể đối với hợp đồng mua bán mận lá thời hạn thanh toán đến hết ngày 05/02/2016, còn hợp đồng mua bán mận trái không thể hiện rõ ràng thời hạn thanh toán nên bên mua phải thanh toán ngay sau khi nhận hàng (được tính từ tháng 02/2017). Nhưng sau thời điểm đó đến nay, ông L và bà D vẫn chưa thanh toán các khoản nợ còn lại từ hai hợp đồng mua bán nói trên. Vì thế, ông T yêu cầu tính lãi chậm thanh toán như trên là có cơ sở, mức lãi suất 10%/năm là phù hợp theo quy định pháp luật dân sự. Vậy nên chấp nhận.

Về thời gian, phương thức thanh toán: Bị đơn xin được trả dần số nợ cho nguyên đơn mỗi năm 20.000.000 đồng và xin miễn phần lãi do đang gặp khó khăn về kinh tế. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý với phương thức trả nợ mà phía bị đơn đưa ra và không đồng ý miễn lãi. Xét thấy, các đương sự không

thống nhất được phương thức thanh toán thì sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết trong quá trình thi hành án. Còn việc bị đơn xin miễn tiền lãi với lý do làm ăn thua lỗ nên hoàn cảnh kinh tế gia đình lâm vào cảnh khó khăn, nhưng đây không phải là căn cứ để miễn trừ nghĩa vụ. Vì vậy, không có cơ sở để xét miễn lãi theo ý kiến của bị đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả, cụ thể là:  $05\% \times 190.514.000đ = 9.525.700$  đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.633.000 đồng.

[5] Lời phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 5; 26; 35; 39; 91; 92; 146; 147; 207; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 428; 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 430; 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Buộc ông Lê Hồng L và bà Phạm Thị Kim D cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Nhựt T số nợ từ hợp đồng mua bán hàng hóa tổng cộng là 190.514.000 đồng (*một trăm chín mươi triệu, năm trăm mười bốn ngàn đồng*), trong đó nợ gốc là 155.840.000 đồng và nợ lãi là 34.674.000 đồng.

Thời gian và phương thức trả nợ do Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết khi thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền gốc nói trên thì họ còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hồng L và bà Phạm Thị Kim D cùng nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.525.700 đồng (*chín triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn, bảy trăm đồng*).

Ông Nguyễn Nhựt T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.633.000 đồng (*bốn triệu, sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/004083 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
*(đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Văn Kiệt**